

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST
Ngày 20/8/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thọ

2. Ông Vũ Sơn Hải

Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh ngày 20/8/1992; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang;

Bị đơn: Hoàng Văn B, sinh ngày 04/6/1990; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NHẬN THẤY:

1. Về quan hệ hôn nhân

Trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2021, bản tự khai ngày 22/7/2021 nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày: Chị Hoàng Thị Đ và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau từ ngày 14/9/2010, trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của nhau, vợ

chồng cùng nhau cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, tổ hòa giải của thôn hòa giải nhưng không thành. Nay chị Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2021 cho đến nay, vì vậy chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

Chị Đ trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 13/01/2011, cháu thứ hai tên là Hoàng Minh Kh, sinh ngày 09/4/2019, khi ly hôn chị Đ và anh B đã thống nhất thỏa thuận với nhau, chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về phân tài sản, công nợ: Chị Đ trình bày: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh B nhưng anh B hiện đang đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, không có mặt ở nhà, nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Q cho người nhận là bà Nguyễn Thị Â, là mẹ đẻ của anh B, bà Â là người có đủ năng lực hành vi dân sự, là người đang sinh sống cùng nhà với anh B và bà Â đã giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B.

Ngày 25/7/2021 anh B có bản trình bày ý kiến và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi đến tòa án với nội dung: Anh B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng hiện nay anh B đang làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, do dịch bệnh COVID, đi lại khó khăn, các phương tiện giao thông công cộng bị cấm hoạt động nên anh B không thể về để đến Tòa án trình bày trực tiếp với tòa án được nên anh viết bản trình bày ý kiến bằng văn bản và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án trình bày quan điểm của anh B về việc chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh B và việc nuôi con chung như sau:

Anh B với anh Hoàng Thị Đ kết hôn với nhau từ ngày 14/9/2010, trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của nhau, vợ chồng cùng nhau cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay anh B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2021 cho đến nay, vì vậy chị Đ làm đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh B, anh B nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 13/01/2011, cháu thứ hai tên là Hoàng Minh Kh sinh ngày 09/4/2019, khi ly hôn anh B và chị Đ đã thống nhất thỏa thuận với

nhau, chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về phân tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tại Công văn số 287/CV-UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang cho biết chị Đ và anh B có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 14/9/2010. Quá trình chung sống chị Đ và anh B đã có 02 con chung và đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau, chị Đ và anh B đã sống ly thân. Tổ hòa giải của thôn, Ủy ban nhân dân xã cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 96 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Đ, giao cháu Hoàng Minh Kh, sinh ngày 09/4/2019 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 13/01/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và buộc đương sự phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh B và việc nuôi con chung của vợ chồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và bị đơn anh Hoàng Văn B cư trú tại thôn T, thị trấn Y, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Đ, bị đơn anh B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh B là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cả chị Đ, anh B, chính quyền địa phương đều khẳng định quá trình chung sống chị Đ và anh B đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm đến nhau, chị Đ và anh B đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2021 cho đến nay. Cả chị Đ và anh B đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, sống không còn tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau vì vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh B, anh B nhất trí. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị Đ và anh B đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Đ đề nghị được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị Đ, anh B đều có nguyện vọng được nuôi con và đã thỏa thuận thống nhất được với nhau chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh Kh, sinh ngày 09/4/2019; anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 13/01/2011, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Cháu H có nguyện vọng ở với bố. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, độ tuổi và nguyện vọng của con chưa thành niên, đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản, công nợ: Cả chị Đ và anh B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ ly hôn với anh Hoàng Văn B.

* Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh Kh, sinh ngày 09/4/2019; anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 13/01/2011, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 03617 ngày 21/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND TT Y (Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương

